|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG NGÃI** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
| Số: 248/BC-UBND |  | *Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 11 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,**

**quốc phòng, an ninh năm 2023; nhiệm vụ và giải pháp năm 2024**

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Công văn số 1822-CV/TU ngày 18/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2023, xác định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2024, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2023; nhiệm vụ và giải pháp năm 2024 như sau:

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023**

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021-2025. Trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến rất phức tạp, xung đột quân sự Nga - Ucraina kéo dài, giai đoạn cuối năm bùng phát xung đột vũ trang giữa Israel và Hamas,…; nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Với quyết tâm phục hồi và phát triển KTXH, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2023, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, các Nghị quyết thường kỳ của Chính phủ, các Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản của Bộ ngành Trung ương; trên cơ sở điều kiện thực tế tại địa phương, kết luận và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch[[1]](#footnote-1),... Theo đó, đã quán triệt tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTXH của tỉnh theo tinh thần chủ đề điều hành của Chính phủ *“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”,* ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KTXH của tỉnh năm 2023 với chủ đề “*Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp ủy, chính quyền; thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia”*; chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế, vượt qua khó khăn, thách thức, chủ động bám sát tình hình, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân trên địa bàn tỉnh, tình hình KTXH năm 2023 đạt kết quả tích cực, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

**I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023**

**1. Ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023** *(theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển KTXH chủ yếu năm 2023 như sau:

| **TT** | **CHỈ TIÊU CHỦ YẾU** | **Đơn vị tính** | **Chỉ tiêu**  **Kế hoạch** | **Ước TH năm 2023** | **So với**  **Kế hoạch** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **Nhóm chỉ tiêu về kinh tế (07 chỉ tiêu)** | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) | % | (-3,5) - (-3) | 2,24 | Vượt |
| 2 | GRDP bình quân đầu người | USD/người | 3.780 | 4.283 | Vượt |
| 3 | Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP | % | 66 - 67 | 68,6 | Vượt |
| *Trong đó, công nghiệp - xây dựng* | *%* | *39 - 40* | *43,4* | *Vượt* |
| 4 | Năng suất lao động xã hội tăng | % | (-4,5) - (-4) | 2,4 | Vượt |
| 5 | Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn | Tỷ đồng | 33.000-34.000 | 38.181 | Vượt |
| 6 | Tỷ lệ đô thị hóa đạt | % | 31,0 | 37,0 | Vượt |
| 7 | Phấn đấu thu ngân sách vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao | % | 5 | 22,2 | Vượt |
| **B** | **Nhóm chỉ tiêu về văn hóa, xã hội (10 chỉ tiêu)** | | | | |
| 8 | Số xã đạt chuẩn Quốc gia về nông thôn mới | Xã | 7 | 6 | Không đạt |
| 9 | Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn khoảng | % | 32,6 | 32,6 | Đạt |
| 10 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng | % | 62,95 | 62,95 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng | % | 2,2 | 1,5 | Vượt |
| 12 | Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia | % |  |  | Vượt |
| *- Trường mầm non* | *%* | *55,29* | *57,49* | *Vượt* |
| *- Trường tiểu học* | *%* | *84,31* | *86,75* | *Vượt* |
| *- Trường trung học cơ sở* | *%* | *89,23* | *89,92* | *Vượt* |
| *- Trường tiểu học - trung học cơ sở* | *%* | *34,62* | *36,54* | *Vượt* |
| *- Trường trung học phổ thông* | *%* | *66,67* | *69,23* | *Vượt* |
| 13 | Số bác sĩ/1 vạn dân | Người | 7,81 | 7,91 | Vượt |
| 14 | Số gường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã) | Giường | 31,4 | 31,4 | Đạt |
| 15 | Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế | % | 95,15 | 95,15 | Đạt |
| 16 | Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng lực lượng lao động trong độ tuổi[[2]](#footnote-2) | % | 23 | 23,78 | Vượt |
| 17 | Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm | % | 1-1,5 | 1,58 | Vượt |
| *Trong đó: - Miền núi giảm* | *%* | *4,0-4,5* | *5,69* | *Vượt* |
| *- Đồng bằng giảm* | *%* | *0,4-0,6* | *0,69* | *Vượt* |
| **C** | **Nhóm chỉ tiêu về tài nguyên, môi trường (06 chỉ tiêu)** | | | | |
| 18 | Tỷ lệ dân số đô thị dùng nước sạch | % | 89,4 | 89,4 | Đạt |
| 19 | Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh | % | 98 | 98 | Đạt |
| Trong đó: sử dụng nước sạch | % | 65 | 65 | Đạt |
| 20 | Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt chuẩn | % | 63 | 63 | Đạt |
| 21 | Tỷ lệ xử lý chất thải y tế được xử lý đạt chuẩn | % | 92 | 92 | Đạt |
| 22 | Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị | % | 90 | 90 | Đạt |
| 23 | Tỷ lệ che phủ rừng | % | 51,8 | 52,0 | Vượt |
| **D** | **Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh (02 chỉ tiêu)** | | | | |
| 24 | Xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh | % | 95 | 95 | Đạt |
| *Trong đó: vững mạnh, toàn diện* | % | 65 | 65 | Đạt |
| 25 | Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” hàng năm đạt ít nhất | % | 80 | 80 | Đạt |
| Xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” hàng năm đạt ít nhất | % | 80 | 80 | Đạt |

Trong 25 chỉ tiêu KTXH chủ yếu năm 2023, dự kiến có 24 chỉ tiêu đạt *(trong đó, có 13 chỉ tiêu vượt)* so với chỉ tiêu tại Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh đề ra và 01 chỉ tiêu không đạt[[3]](#footnote-3). Trong đó 13 chỉ tiêu vượt, gồm:

***(1)*** Tốc độ tăng trưởng GRDP tăng 2,24%[[4]](#footnote-4) *(KH: (-3,5)-(-3)%);*

***(2)*** GRDP bình quân đầu người đạt 4.283 USD/người *(KH: 3.780 USD/người);*

***(3)*** Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt 68,6% *(KH: 66-67%),* *trong đó, công nghiệp - xây dựng đạt 43,4% (KH: 39-40%);*

***(4)*** Năng suất lao động xã hội tăng 2,4% *(KH: (-4,5)-(-4)%);*

***(5)*** Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt 38.181 tỷ đồng *(KH: 33.000-34.000 tỷ đồng);*

***(6)*** Tỷ lệ đô thị hóa đạt 37,0% *(KH: 31%);*

***(7)*** Phấn đấu thu ngân sách vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao 22,2% *(KH: 5%);*

***(8)***Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 1,5% *(KH: 2,2%);*

***(9)*** Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia: có 57,49% trường mầm non; 86,75% trường tiểu học; 89,92% trường trung học cơ sở; 36,54% trường tiểu học - trung học cơ sở; 69,23% trường trung học phổ thông *(KH: có 55,29% trường mầm non; 84,31% trường tiểu học; 89,23% trường trung học cơ sở; 34,62% trường tiểu học - trung học cơ sở; 66,67% trường trung học phổ thông);*

***(10)*** Số bác sĩ/1 vạn dân đạt 7,91 người *(KH: 7,81 người);*

***(11)*** Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế đạt 23,78% *(KH: 23%);*

***(12)*** Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1,58%; trong đó, miền núi giảm 5,69%; đồng bằng giảm 0,69% *(KH: Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1-1,5%; trong đó, miền núi giảm từ 4-4,5%, đồng bằng giảm 0,4-0,6%);*

***(13)*** Tỷ lệ che phủ rừng đạt 52% *(KH: 51,8%).*

**2. Kết quả đạt được theo ngành, lĩnh vực**

*Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)* năm 2023 (theo giá so sánh) ước đạt 58.697 tỷ đồng[[5]](#footnote-5), tăng 2,24% so với năm 2022, vượt kế hoạch năm 2023*.*

**2.1. Lĩnh vực kinh tế**

***a) Về sản xuất công nghiệp***

*Chỉ số sản xuất công nghiệp* năm 2023 ước đạt 103%, tăng 3% so với năm 2022, vượt 13 điểm % so với kế hoạch năm.

*Giá trị sản xuất công nghiệp* năm 2023 ước đạt 132.611 tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm 2022, vượt 19,9% kế hoạch năm (*KH: 110.625 tỷ đồng*), trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài sản phẩm lọc hóa dầu ước đạt 81.611 tỷ đồng, tăng 5,2% so với năm 2022.

Một số sản phẩm đạt và vượt so với kế hoạch năm 2023[[6]](#footnote-6): Sản phẩm lọc hóa dầu vượt 15,3%; thép vượt 89,2%; sản phẩm may mặc vượt 6,3%; thủy sản chế biến đạt 100%; bánh kẹo các loại đạt 100%; tinh bột mỳ trên địa bàn tỉnh đạt 100%;... Một số sản phẩm không đạt kế hoạch[[7]](#footnote-7): Sữa các loại trên địa bàn bằng 72,2%; dăm gỗ nguyên liệu giấy bằng 50%; giày da các loại bằng 87,5%; sợi bằng 90%; bia bằng 88%.

***b) Về thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường***

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng* *(giá hiện hành)* năm 2023 ước đạt 71.285 tỷ đồng, tăng 9,8% so với năm 2022[[8]](#footnote-8), vượt 1,5% kế hoạch năm *(KH: 70.200 tỷ đồng)*.

*Kim ngạch xuất khẩu* năm 2023 ước đạt 2.400 triệu USD, tăng 7,6% so với năm 2022, vượt 14,3% kế hoạch năm *(KH: 2.100 triệu USD*). Một số sản phẩm đạt và vượt so với kế hoạch năm 2023[[9]](#footnote-9): Sản phẩm cơ khí vượt 11,5%; thép vượt 50%; hàng hóa khác vượt 11,1%; thủy sản bằng 100%; tinh bột mỳ bằng 100%; đồ gỗ bằng 100%; may mặc bằng 100%. Một số sản phẩm không đạt kế hoạch[[10]](#footnote-10): Dăm gỗ nguyên liệu giấy bằng 85,3%; sơ, sợi dệt, vải các loại bằng 88,2%; giày, túi xách da các loại bằng 89,7%...

*Kim ngạch nhập khẩu* năm 2023 ước đạt 3.586 triệu USD, giảm 0,3% so với năm 2022, vượt 8% kế hoạch năm *(KH: 3.320 triệu USD)*. Hầu hết các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất, cụ thể: Sắt thép, quặng sắt vượt 17,3%; máy móc, phụ tùng thay thế bằng 100%; dầu thô bằng 100%; vải, nguyên phụ liệu may mặc, da giày bằng 100%; nguyên liệu, hương liệu, vật liệu sản xuất bia, sữa, bánh kẹo ước thực hiện 20 triệu USD, vượt gấp 5 lần so với kế hoạch đề ra.

*Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt):* Doanh thu vận tải và dịch vụ vận tảinăm 2023 ước đạt 5.076 tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm 2022, vượt 12% kế hoạch năm.

*Tín dụng ngân hàng:* Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiền tệ, tín dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp cận vốn vay ngân hàng nhằm tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh phát triển. Đến 31/12/2023, tổng dư nợ ước đạt 69.220 tỷ đồng, tăng 6,21% so với cuối năm 2022; nợ xấu ước 1.250 tỷ đồng, chiếm 1,81% tổng dư nợ.

***c) Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản***

*Giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản* năm 2023 ước đạt 18.794 tỷ đồng, tăng 3,5% so với năm 2022 và bằng 100,5% kế hoạch năm[[11]](#footnote-11).

***-*** *Về trồng trọt:* Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt ước đạt 84.514 ha, giảm 0,3% so với năm 2022; sản lượng ước đạt 496.715 tấn, tăng 0,7%. Trong đó, diện tích lúa ước đạt 74.733 ha, giảm 0,1%[[12]](#footnote-12), năng suất ước đạt 58,7 tạ/ha, sản lượng ước đạt 438.415 tấn, tăng 0,6%; diện tích ngô ước đạt 9.781 ha, giảm 2% so với năm 2022, năng suất ước đạt 59,6 tạ/ha, sản lượng đạt 58.300 tấn, tăng 1,9%.

Tổng diện tích nhiễm bệnh trên cây trồng khoảng 34.819 ha; trong đó, lúa 17.386 ha, giảm 2.714 ha so với năm 2022; cây rau màu, cây công nghiệp, lâm nghiệp là: 17.433 ha, tăng 7.068 ha. Đến nay, diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hằng năm khác là 459 ha[[13]](#footnote-13); có 32 cánh đồng sản xuất rau an toàn với tổng diện tích 338,1 ha, doanh thu bình quân đạt từ 100-283 triệu đồng/ha/năm; triển khai thực hiện 105 cánh đồng lớn, với tổng diện tích 1.943,5 ha[[14]](#footnote-14); thực hiện Phương án dồn điền đổi thửa 07 cánh đồng, tổng diện tích 179,11 ha.

***-*** *Về chăn nuôi:* Chăn nuôi duy trì ổn định, sản phẩm chăn nuôi chủ lực của địa phương là bò thịt và trâu thịt, việc chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang quy mô trang trại đang tiến triển tích cực, sản lượng thịt hơi ngày càng tăng. Ước đến cuối năm 2023, đàn trâu có 66.225 con, giảm 1,4% so với năm 2022; đàn bò có 278.131 con, giảm 0,9%, tỷ lệ bò lai đạt 74,6%; đàn heo có 395.103 con, tăng 1,9%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 91.637 tấn, tăng 4,5%.

Công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh; công tác quản lý con giống, thức ăn chăn nuôi được thực hiện chặt chẽ. Nhờ vậy, các bệnh nguy hiểm ở vật nuôi như cúm gia cầm, lở mồm long móng,.. được kiểm soát, ít có ổ dịch lớn xảy ra.

***-*** *Về lâm nghiệp:* Diện tích trồng rừng tập trung ước đạt 29.200 ha, tăng 21% so với năm 2022, vượt 16,8% kế hoạch năm 2023. Sản lượng gỗ rừng trồng khai thác ước đạt 2.397.979 m3, giảm 0,2% so với năm 2022. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 52% vượt kế hoạch năm *(KH: 51,8%).* Công tác phòng cháy chữa cháy rừng được tăng cường, bố trí lực lượng ở địa bàn xung yếu có nguy cơ cháy rừng cao, thường trực 24/24 giờ trong thời điểm nắng nóng kéo dài, sớm phát hiện lửa rừng và báo cáo kịp thời khi có cháy rừng xảy ra.

***-*** *Về thủy sản:* Sản lượng thủy sản ước đạt 282.530 tấn, tăng 1,8% so với năm 2022, vượt 2,4% kế hoạch năm. Trong đó, thủy sản khai thác ước đạt 273.404 tấn, tăng 1,8%, vượt 3,2% kế hoạch năm; sản lượng nuôi trồng thu hoạch ước đạt 9.126 tấn, tăng 3,7%.

*- Về công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU):*Trong thời gian qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương nỗ lực triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh và đã đạt được một số kết quả nhất định theo các khuyến nghị của EC.

***d) Về công tác Quy hoạch tỉnh và phát triển đô thị***

*- Về lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:* Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*- Về phát triển đô thị:* Triển khai Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện; tiếp tục giải quyết vướng mắc nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh; xử lý các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án khu dân cư, khu đô thị; đôn đốc nhà đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện hoàn thành dự án để đưa vào sử dụng, hoàn thiện các thủ tục, thực hiện đầy đủ trách nhiệm với nhà nước theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”, riêng tỉnh Quảng Ngãi, đến năm 2030 hoàn thành 6.300 căn[[15]](#footnote-15) *(nhà ở thu nhập thấp và nhà ở công nhân).* Công bố Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí mai táng, hỏa táng và đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch phân khu, các khu đô thị trên địa bàn tỉnh.

Ước đến hết năm 2023, tỷ lệ đô thị hóa đạt 37% vượt kế hoạch năm *(KH: 31%);* tỷ lệ hộ dân cư đô thị dùng nước sạch 89,4% đạt kế hoạch năm; tỷ lệ cây xanh đô thị 9,2 m2/người, vượt kế hoạch năm *(KH: 9,0 m2/người).*

***đ) Thu chi ngân sách***

*Tổng thu ngân sách Nhà nước* trên địa bàn tỉnh năm 2023 ước đạt 28.632 tỷ đồng *(bao gồm thu huy động đóng góp 38 tỷ đồng)*, tăng 22,2% dự toán Trung ương giao và tăng 19,4% dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó: thu nội địa ước đạt 19.997 tỷ đồng[[16]](#footnote-16), tăng 32,5% dự toán Trung ương giao và tăng 27,9% dự toán HĐND tỉnh giao; thu hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 8.550 tỷ đồng, tăng 5,6% dự toán Trung ương giao và dự toán HĐND tỉnh giao.

*Tổng chi ngân sách* địa phương ước đạt 18.260 tỷ đồng, bằng 59% so với năm 2022, tăng 3,6% dự toán do HĐND tỉnh giao. Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

***e) Đầu tư phát triển***

*Tổng vốn đầu tư toàn xã hội* năm 2023 ước đạt 38.181 tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2022 và vượt kế hoạch năm *(KH: 33.000-34.000 tỷ đồng).*

Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi được Thủ tướng Chính phủ giao là 6.789,417 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 6.919,417 tỷ đồng[[17]](#footnote-17) *(bao gồm nguồn vốn bội chi NSĐP là 236,7 tỷ đồng và nguồn vốn chi đầu tư phát triển khác là 104,320 tỷ đồng).* Ngoài ra, nếu tính cả nguồn vốn ngoài kế hoạch đầu tư công *(bao gồm các nguồn: vượt thu, tiết kiệm chi, dự phòng ngân sách… và phần ngân sách cấp huyện, xã tự bố trí)* là 1.085,167 tỷ đồng[[18]](#footnote-18) thì tổng vốn đầu tư phát triển năm 2023 từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh là 8.004,583 tỷ đồng.

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch vốn đầu tư công được giao năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 18/01/2023 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 17/02/2023 về tiến độ giải ngân chi tiết vốn đầu tư công năm 2023; Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 28/7/2023 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023. Hàng quý, UBND tỉnh tổ chức họp đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công, thường xuyên kiểm tra tiến độ các dự án trọng điểm để kịp thời chỉ đạo, quyết tâm giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023. Dự kiến đến ngày 30/11/2023, giải ngân tổng các nguồn vốn đạt 70,5% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 68,9% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao *(trong đó, giải ngân vốn đầu tư công đạt 60,2% kế hoạch vốn Thủ tướng chính phủ giao, bằng 58,9% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao)*. Phấn đấu đến ngày 31/01/2024, giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

***\* Về thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia (MTQG):***

- Đối với nguồn vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 là 648,432 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 497,373 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 151,059 tỷ đồng. Dự kiến giải ngân đến 30/11/2023 là 505,855 tỷ đồng, bằng 78% tổng kế hoạch vốn được giao, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương là 425,185 tỷ đồng, đạt 85,5%; vốn ngân sách tỉnh là 80,671 tỷ đồng, đạt 53,4%.

- Đối với nguồn vốn sự nghiệp: Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2023 là 676,285 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 566,593 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 109,692 tỷ đồng. Nguồn vốn này được cấp thẩm quyền giao vào cuối tháng 3/2023, đến nay giá trị giải ngân đạt thấp.

Ước đến hết năm 2023, có thêm 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới, không đạt kế hoạch năm *(KH: 07 xã)*; lũy kế có 100 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 03 huyện, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh theo chuẩn mới Quốc gia còn 6,22%; trong đó, miền núi còn 24,58%, đồng bằng còn 2,34%. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1,58%; trong đó, miền núi giảm 5,69%; đồng bằng giảm 0,69%, vượt kế hoạch năm *(KH: Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1-1,5%; trong đó, miền núi giảm từ 4-4,5%, đồng bằng giảm 0,4-0,6%).*

***\* Về thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội:***

Tỉnh Quảng Ngãi đã được Trung ương giao kế hoạch vốn cho 08/08 dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH năm 2023 với tổng số vốn là 631/631 tỷ đồng[[19]](#footnote-19). Dự kiến kết quả giải ngân đến 30/11/2023 đạt 271,673 tỷ đồng, bằng 43,1% kế hoạch vốn được giao.

***\* Công tác giải phóng mặt bằng đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi:*** Đã bàn giao mặt bằng trên 94% diện tích, đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo bàn giao 100% mặt bằng trước ngày 31/12/2023 theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

***f) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp***

Triển khai quyết liệt những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023[[20]](#footnote-20). Công bố kết quả năm 2022: xếp hạng PCI[[21]](#footnote-21) (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) tỉnh đứng thứ 33/63 tỉnh, thành *(tăng 12 bậc so với năm 2021);* xếp hạng PAPI[[22]](#footnote-22) (Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công) tỉnh đứng thứ 23/63 tỉnh, thành *(tăng 20 bậc so với năm 2021);* xếp hạng PAR INDEX[[23]](#footnote-23) (Chỉ số cải cách hành chính) tỉnh đứng thứ 27/63 tỉnh, thành *(tăng 12 bậc so với năm 2021)*; xếp hạng SIPAS[[24]](#footnote-24) (Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước) tỉnh 49/63 tỉnh, thành *(tăng 4 bậc so với năm 2021)*. Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND tỉnh đã kịp thời giải quyết các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; tổ chức thành công 02 Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Hướng dẫn, hỗ trợ cho nhà đầu tư, doanh nghiệp lớn tiêu biểu đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài[[25]](#footnote-25). Phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2023, xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2024. Ban hành Kế hoạch xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Kế hoạch Tuyên truyền hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho cấp ủy, chính quyền, đoàn thể; tổ chức hội thảo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - lực đẩy phát triển sản phẩm OCOP.

*Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI):* Đến ngày 20/11/2023, có 04 dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư, với số vốn đăng ký 172,3 triệu USD[[26]](#footnote-26). Điều chỉnh 12 dự án, trong đó, điều chỉnh tăng vốn đầu tư 04 dự án (23,89 triệu USD); không có dự án bị thu hồi; vốn thực hiện ước đạt 65 triệu USD. Đến nay, có 49/68 dự án đã đi vào hoạt động, 16 dự án đang triển khai, 03 dự án đang tạm dừng.

*Tình hình đầu tư trong nước:* Đến ngày 20/11/2023, đã cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 08 dự án[[27]](#footnote-27), với tổng vốn đăng ký 3.409 tỷ đồng; vốn thực hiện ước đạt 25.000 tỷ đồng; điều chỉnh 55 dự án, trong đó, điều chỉnh tăng vốn 26.253 tỷ đồng *(dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hoà Phát Dung Quất tăng 26.000 tỷ đồng)*, điều chỉnh giảm vốn 7.618 tỷ đồng *(Dự án Nâng cấp, Mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất giảm 7.582 tỷ đồng)*; thu hồi 35 dự án với tổng vốn đầu tư 8.546 tỷ đồng. Đến nay, có 418/627 dự án đi vào hoạt động, 194 dự án đang triển khai, 15 dự án đang tạm dừng.

Bên cạnh đó, tỉnh đã Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư cho 09 dự án đầu tư bất động sản để thực hiện đấu thầu, đấu giá theo quy định, tổng vốn đầu tư 8.580 tỷ đồng; đồng thời Chấp thuận nhà đầu tư cho 08 dự án (các dự án đã có chủ trương đầu tư, đã thực hiện đấu thầu), tổng vốn đầu tư 6.750 tỷ đồng.

*Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:* Đến ngày 20/11/2023, số doanh nghiệp thành lập mới là 633 doanh nghiệp[[28]](#footnote-28), giảm 7,2% so với cùng kỳ năm 2022; vốn đăng ký 4.622 tỷ đồng; vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp: 7,3 tỷ đồng/1 doanh nghiệp; có 491 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 8,1%; 109 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, giảm 18,7%. Số hồ sơ đăng ký trực tuyến qua cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia là 2.483 hồ sơ, chiếm 64,4% tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý. Dự kiến đến cuối năm 2023, số doanh nghiệp thành lập mới là 700 doanh nghiệp, vốn đăng ký 5.390 tỷ đồng, bằng 61,2% so với năm 2022.

***g) Phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp***

Công bố Quyết định Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045[[29]](#footnote-29); đây sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để tỉnh kịp thời tháo gỡ các nút thắt, tồn tại, hạn chế đối với sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất trong thời gian vừa qua, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển trong thời kỳ mới và là công cụ hết sức quan trọng để tỉnh tổ chức quản lý, kiểm soát các hoạt động đầu tư, đồng thời, tạo nền tảng thúc đẩy đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo hướng năng động, đột phát, thông minh, hiện đại, hiệu quả và bền vững trong giai đoạn tới. Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ lập 09 đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, trong đó: 01 Đồ án Quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 10/10/2023[[30]](#footnote-30); 03 Đồ án Quy hoạch đã thông qua HĐND tỉnh, đang hoàn thiện để phê duyệt[[31]](#footnote-31).

Đến nay, có 07 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư[[32]](#footnote-32) trên địa bàn, với tổng vốn đăng ký 7.389,41 tỷ đồng, trong đó 04 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký là 172,3 triệu USD; điều chỉnh 35 dự án, trong đó có 11 dự án điều chỉnh tăng vốn, với tổng số vốn tăng thêm khoảng 26.612 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, tại KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi có 344 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đầu tư 385.223 tỷ đồng, trong đó có 61 dự án FDI, 283 dự án đầu tư trong nước; có 250 dự án đã đi vào hoạt động. Giải quyết việc làm mới ước khoảng 2.700 lao động; lũy kế đến hết năm 2023, trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi sẽ giải quyết việc làm cho hơn 67.300 lao động.

***h) Quản lý tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu***

Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và ứng phó với biến đổi thiên tai; kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, bảo vệ môi trường đối với các dự án khai thác khoáng sản; xử lý dứt điểm tình trạng khai thác cát trái phép.

Ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 9/5/2023 về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất của tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho 13/13 huyện, thị xã, thành phố; trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp; triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 của tỉnh; trình HĐND Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc thông qua bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024).

Triển khai Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030[[33]](#footnote-33).

Phê duyệt cấp giấy chứng nhận là 1.541 GCN/116 tổ chức/126 hồ sơ với tổng diện tích hơn 290ha; 47 hợp đồng thuê đất của 44 tổ chức;02 biên bản thanh lý hợp đồng của 02 tổ chức; 133 phụ lục hợp đồng thuê đất/110 tổ chức. Tổ chức kiểm tra, thẩm định chất lượng các phương án kỹ thuật; bản đồ địa hình; bản đồ địa chính khu đất các công trình đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất, phục vụ công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường, thu hồi đất, giao đất.

**2.2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội**

***a) Giáo dục và Đào tạo***

Năm 2023, ngành giáo dục có nhiều đổi mới, triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đã đạt được nhiều kết quả: Triển khai và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học[[34]](#footnote-34); tổ chức tốt các kỳ thi tuyển vào lớp 10, tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi học sinh giỏi và giáo viên dạy giỏi các cấp; thi tuyển dụng giáo viên nhằm bổ sung số lượng giáo viên thiếu hụt trên địa bàn tỉnh; thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh trong năm học 2022-2023[[35]](#footnote-35).

Phối hợp với các tổ chức quốc tế triển khai nhiều dự án giáo dục và đào tạo hiệu quả[[36]](#footnote-36). Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả giai đoạn 2 của Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số[[37]](#footnote-37); Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh; Đề án “Phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và hội nhập quốc tế của giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2030” của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

Ước đến hết năm 2023, có 57,49% trường mầm non; 86,75% trường tiểu học; 89,92% trường trung học cơ sở; 36,54% trường tiểu học - trung học cơ sở; 69,23% trường trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia, vượt kế hoạch.

***b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân***

Ngành y tế đã tổ chức tốt công tác khám, chữa bệnh tại các tuyến; chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh tại các cơ sở y tế. Đã triển khai hệ thống Hội chẩn từ xa, kết nối giữa các bệnh viện tuyến tỉnh với các bệnh viện truyến trung ương; thực hiện Đề án Hồ sơ sức khỏe điện tử đến từng người dân; phối hợp triển khai thanh toán viện phí không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế; triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số ngành Y tế. Thực hiện công tác đấu thầu thuốc, vật tư y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm theo quy định, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả. Tiếp tục triển khai Đề án về Xã hội hoá y tế; tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y dược tư nhân, các hoạt động liên kết tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh.

Công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm được triển khai tích cực, tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu. Triển khai tổ chức vận động hiến máu tình nguyện; tăng cường truyền thông về nâng cao nhận thức của cộng đồng về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; thực hiện hiệu quả các hoạt động[[38]](#footnote-38) nâng cao chất lượng dân số, năm 2023, tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh, tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt trên 60% và 62%, tuổi thọ bình quân tăng lên 74,4 tuổi.

Ước đến hết năm 2023, có 7,91 bác sĩ/vạn dân, vượt kế hoạch năm *(KH: 7,81 người);* có 31,4 giường bệnh/vạn dân và tỷ lệ người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế đạt 95,15% dân số, đạt kế hoạch năm.

***c) Lao động, Thương binh và Xã hội***

Công tác lao động, việc làm và chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc đối tượng ưu đãi người có công với cách mạng trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão - năm 2023[[39]](#footnote-39), kịp thời chi trả các khoản trợ cấp ưu đãi thường xuyên hàng tháng cho đối tượng người có công và thân nhân người có công[[40]](#footnote-40); triển khai thực hiện các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ[[41]](#footnote-41) (27/7/1947 - 27/7/2023). Kịp thời chi trả các chế độ, chính sách hỗ trợ cho hơn 86.014 đối tượng đối tượng bảo trợ xã hội; công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện.

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm được nâng cao, số lao động có việc làm tăng lên sau tư vấn; tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp khôi phục lại hoạt động sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm cho người lao động[[42]](#footnote-42). Nhiều chính sách tạo việc làm, hỗ trợ phát triển thị trường lao động đã được triển khai nhất quán, liên tục, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ phục hồi thị trường lao động sau đại dịch Covid-19, chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo mục tiêu xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Tăng cường hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng và hướng nghiệp cho người lao động; đã triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm tạo đột phá về đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; chất lượng giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được đổi mới, phát triển.

Ước đến hết năm 2023, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn khoảng 32,6%; tỷ lệ lao động qua đào tạo 62,95% đạt kế hoạch năm;tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 1,53% vượt kế hoạch năm *(KH: tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 2,2%).*

***d) Công tác dân tộc và miền núi***

Chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; tình hình KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh ổn định, an ninh trật tự ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh được giữ vững.

Triển khai thực hiện nghiêm Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 tại Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023. Tổ chức thành công Hội nghị thu hút đầu tư và Chương trình chắp cánh ước mơ khởi nghiệp ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi tại Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh; các hoạt động kỷ niệm 77 năm thành lập cơ quan công tác dân tộc, lần thứ X - năm 2023.

***đ) Văn hóa, Thể thao và Du lịch***

*Các hoạt động văn hóa, văn nghệ*: diễn ra sôi nổi, có nhiều điểm mới cả về quy mô, hình thức, chất lượng. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết tại các bảo tàng, di tích, phục vụ khách tham quan nhân dịp Tết Nguyên đán; các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử - chính trị - xã hội, mừng Đảng - mừng Xuân; Lễ tưởng niệm 55 năm ngày 504 đồng bào Sơn Mỹ bị thảm sát (16/3/1968 - 16/3/2023); Lễ công bố và đón nhận Bằng công nhận Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh; Triển lãm - Hội thi - Hội chợ sinh vật cảnh tỉnh Quảng Ngãi mở rộng;… Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng, triển khai thực hiện các dự án trùng tu, tôn tạo di tích; lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng bảo vật quốc gia[[43]](#footnote-43) và di tích các cấp; năm 2023, có thêm 01 di tích được xếp hạng di tích quốc gia[[44]](#footnote-44) và 03 di tích cấp tỉnh. Tổ chức Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ - xuân Quý Mão 2023 tại Khu di chỉ văn hóa Sa Huỳnh; triển khai Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đến năm 2030. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình được triển khai đồng bộ. Ước thực hiện năm 2023, toàn tỉnh có 89% gia đình văn hóa; 82% thôn, tổ dân phố văn hóa; 110/173 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 63,6%.

*Các hoạt động thể dục, thể thao:* được tổ chức sôi nổi từ tỉnh đến cơ sở; tổ chức thành công 16 giải thể thao cấp tỉnh, lễ Phát động Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân tỉnh Quảng Ngãi năm 2023. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ với nhiều loại hình, thu hút nhiều lứa tuổi, đối tượng tham gia tập luyện. Đăng cai tổ chức 02 giải thể thao cấp quốc gia, tổ chức giải Dù lượn hạ cánh chính xác Việt Nam mở rộng năm 2023, phối hợp với Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh (HTV) tổ chức giải đua xe đạp toàn quốc tranh Cúp truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh - chặng 9: Quảng Ngãi - Quy Nhơn; tham gia các giải thể thao toàn quốc, đạt 137 huy chương[[45]](#footnote-45); tại SEA GAMES 32, tỉnh Quảng Ngãi có 01 vận động viên thi đấu và xuất sắc đạt 01 huy chương Vàng ở môn Wushu.

*Về du lịch:* Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Phát triển Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045[[46]](#footnote-46); công nhận điểm du lịch Gò Cỏ; xây dựng sản phẩm, chuyển giao mô hình quảng bá du lịch cộng đồng, phát triển điểm đến gắn với Di tích Văn hóa Sa Huỳnh và Đầm An Khê; Khu Chứng tích Sơn Mỹ; tổ chức Tuần lễ Du lịch biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; triển khai Kế hoạch quảng bá, xúc tiến du lịch năm 2023. Phối hợp tham gia gian hàng chung 06 tỉnh tại Ngày hội du lịch Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 19 năm 2023.

Ước đến hết năm 2023, phấn đấu thu hút khách du lịch đến tỉnh đạt 1.000.000 lượt khách, tăng 53,8% so với năm 2022, trong đó khách quốc tế đạt 14.000 lượt khách, tăng 27,3%; doanh thu du lịch đạt 885 tỷ đồng, tăng 26,4%.

***e) Thông tin, truyền thông và Phát thanh truyền hình***

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh quan trọng của tỉnh, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.Đẩy mạnh công tác truyền thông cải cách hành chính, chuyển đổi số. Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số; tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chuyển đổi số.

Kết quả năm 2022, xếp hạng chuyển đổi số cấp tỉnh, tỉnh Quảng Ngãi đứng thứ 26/63 tỉnh, thành phố trong cả nước *(tăng 34 bậc so với năm 2021, là tỉnh tăng bậc cao nhất cả nước).*

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin do Trung ương và các bộ ngành triển khai, như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu đất đai, Hệ thống cấp mã số ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch, Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp... Tổng số dịch vụ công trực tuyến của tỉnh là 973 thủ tục[[47]](#footnote-47), số dịch vụ công trực tuyến thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là 97 thủ tục[[48]](#footnote-48).

Ứng dụng Quản lý văn bản, triển khai chữ ký số liên thông 04 cấp đến 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; liên thông văn bản điện tử giữa Khối Đảng và Chính quyền; kết quả triển khai xử lý hồ sơ trên môi trường mạng: cấp tỉnh đạt 99%, cấp huyện đạt 85.3% và cấp xã đạt 65.32%. Cổng Thông tin điện tử tỉnh và cổng/trang thành phần của tất cả các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn và một số trang của các tổ chức chính trị - xã hội được duy trì và cung cấp thông tin thường xuyên. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh được xây dựng, vận hành (https://baocao.quangngai.gov.vn), kết nối 100% số chỉ tiêu chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

Triển khai hệ thống Giám sát mã độc tập trung tỉnh Quảng Ngãi với hơn 3.039 máy trạm cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và kết nối về trung tâm giám sát quốc gia NCSC. Hoàn thành triển khai bản quyền phần mềm cho thiết bị đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đầu tư trang, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số và triển khai các nền tảng chuyển đổi số.

***f) Khoa học và Công nghệ***

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tăng cường; tổ chức theo dõi, quản lý chặt chẽ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ[[49]](#footnote-49). Thực hiện thẩm định công nghệ, thiết bị cho 48 dự án đầu tư; hướng dẫn 14 cơ sở xây dựng hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ; cấp 14 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho cơ sở đủ điều kiện và 06 chứng chỉ nhân viên ATBX; hướng dẫn 40 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp; công nhận sáng kiến có hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh cho các cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2022 đối với 08 sáng kiến của các sở, ban, ngành, địa phương.

Tiếp nhận 05 hồ sơ công bố hợp quy; 07 hồ sơ công bố hợp chuẩn. Tiếp nhận và xác nhận 36 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với mặt hàng thép và cáp điện do các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhập khẩu; Hướng dẫn 08 cơ sở đăng ký sử dụng mã số mã vạch; 03 cơ sở xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. Tổ chức Lớp tập huấn về đảm bảo đo lường, chất lượng trong kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG); về đo lường, ghi nhãn hàng hoá đối với hàng đóng gói sẵn; khóa đào tạo về mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc; Chương trình kết nối với chủ đề “Phát triển doanh nghiệp gắn với đổi mới sáng tạo”.

**2.3. Lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng an ninh**

***a) Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo***

Đến ngày 20/11/2023, toàn ngành đã thực hiện 877 cuộc thanh tra, kiểm tra *(bao gồm cả các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành độc lập),* đã kết thúc và ban hành Kết luận thanh tra của 805 cuộc tại 1.931 đơn vị. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện sai phạm với tổng số tiền 29.691,84 triệu đồng và 15.143,3m2 đất cùng nhiều sai phạm khác; đã kiến nghị thu hồi 7.816,79 triệu đồng, 11.004m2 đất và 72 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kiến nghị xử lý khác 21.875,05 triệu đồng; ban hành 369 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 2.413,03 triệu đồng cùng nhiều biện pháp khắc phục, chấn chỉnh khác. Các cơ quan hành chính trong tỉnh tiếp 4.827 lượt/5.339 người của 4.633 vụ việc; trong đó, có 18 lượt đoàn đông người của 10 vụ việc phát sinh đến nơi tiếp công dân của các cấp, các ngành. Tiếp nhận, xử lý 9.016 đơn, trong đó có 7.588 đơn đủ điều kiện xử lý *(668 đơn khiếu nại, 199 đơn tố cáo, 6.721 đơn kiến nghị, phản ánh)*; giải quyết 238/276 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 86,2% *(192/221 vụ khiếu nại, 46/55 vụ tố cáo)*.

Công tác phòng, chống tham nhũng tiếp tục được quan tâm, các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh đã tổ chức 15 lượt tuyên truyền pháp luật về PCTN cho 1.375 lượt người, phát hành 1.070 tài liệu.

***b) Công tác tư pháp***

Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) luôn được triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định, thực hiện thẩm định 05 đề nghị xây dựng nghị quyết và 120 lượt dự thảo văn bản QPPL, đã ban hành 60 văn bản QPPL; thực hiện tự kiểm tra 38 văn bản QPPL; kiểm tra theo thẩm quyền 70 văn bản QPPL do HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố chuyển đến sau khi ban hành; công bố Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần trong năm 2022 tại Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 07/01/2023[[50]](#footnote-50).

Trong năm 2023 (từ 01/01/2023 đến 20/11/2023), tiếp nhận và chuyển xác minh 8.513 trường hợp yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp, trong đó có 7.595 hồ sơ trực tuyến, đạt 89,2%; cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân với 8.396 trường hợp (bao gồm cả kỳ trước chuyển qua), đúng hạn 99,6%, trễ hạn 28 hồ sơ do xác minh xóa án tích; thực hiện tiếp nhận, cập nhật 5.933 thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan chuyển đến vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; lập 900 bản lý lịch tư pháp; cập nhật 2.054 thông tin lý lịch tư pháp bổ sung.

Kịp thời triển khai, hướng dẫn, thực hiện công tác phổ biển giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Tổ chức 19 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật. Tổ chức Cuộc thi trực tuyến *“Tìm hiểu pháp luật về phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật”* trên địa bàn tỉnh với 33.941 lượt người dự thi của 02 đợt thi.

***c) Công tác Nội vụ***

Công tác điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện theo quy định, thuyên chuyển công chức, viên chức kịp thời đáp ứng được yêu cầu công việc. Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2023 cho 19 cơ quan, đơn vị, địa phương để giải quyết cho 147 đối tượng tinh giảm biên chế; ban hànhQuyết định giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính là 1.936 biên chế[[51]](#footnote-51).

Công bố Chỉ số CCHC các sở, ban ngành, UBND cấp huyện năm 2022; Triển khai rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn về phân loại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định[[52]](#footnote-52), thực hiện các nội dung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Tổ chức mở 43 lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Phê duyệt Danh mục ngành nghề cần thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ ở các lĩnh vực tỉnh cần ưu tiên thu hút đến năm 2025. Thành lập Tổ kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh để kiểm tra đột xuất nhằm phát hiện, xử lý, chấn chỉnh những hành vi vi phạm trong quá trình thực thi công vụ.

Công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện đầy đủ, kịp thời; quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được chú trọng thực hiện theo đúng quy định pháp luật góp phần ổn định tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

***d) Công tác Ngoại vụ***

Công tác đối ngoại được tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, phục vụ kịp thời nhiệm vụ phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế của tỉnh. Ban hành các Kế hoạch thiết lập và đẩy mạnh quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với các địa phương của Nhật Bản và Hàn Quốc giai đoạn 2023-2025 và Kế hoạch hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi với các địa phương của Lào năm 2023; tổ chức các chuyến công tác tại các nước Lào, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Canada,...; đặc biệt, tổ chức thành công sự kiện ký MOU về hợp tác trao đổi nhân sự với tỉnh Oita (Nhật Bản), đặt nền móng để thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Oita. Phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức thành công Hội nghị “*Giới thiệu Quảng Ngãi*” tại Hà Nội nhằm quảng bá giới thiệu hình ảnh, văn hóa, phát triển quan hệ hợp tác, thu hút đầu tư và giới thiệu các sản phẩm chủ lực của Quảng Ngãi; tăng cường vận động viện trợ ODA và NGO đối với các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, hiệp hội, doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam; ký kết Bản Ghi nhớ với Hiệp hội doanh nghiệp Hồng Kông (Trung Quốc) tại Việt Nam. Đã hướng dẫn, quản lý 72 đoàn với 380 người nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh; năm 2023 dự kiến có 21 đoàn với 143 lượt cán bộ công chức viên chức được cử đi nước ngoài về việc công.

Tăng cường kết nối, vận động viện trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và các nhà tài trợ nước ngoài; gia hạn và sửa đổi, bổ sung và chuyển đổi Giấy đăng ký hoạt động của 11 tổ chức phi Chính phủ nước ngoài theo quy định[[53]](#footnote-53); phê duyệt tiếp nhận các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài[[54]](#footnote-54). Thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền của tỉnh.

***đ) Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội***

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.Công tác tuyển quân hàng năm được triển khai thực hiện tốt, đạt 100% chỉ tiêu giao; hoàn thành nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự tỉnh của năm 2023 và cả nhiệm kỳ (2020-2025).Triển khai thực hiện hiệu quả công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 04/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 02/02/2023 về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh; tập trung kiểm soát chặt chẽ các phương tiện vận tải hành khách, hàng hóa. Tăng cường phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh; thực hiện công tác làm sạch dữ liệu và triển khai nhiều biện pháp, giải pháp phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Tính đến này 20/11/2023, đã mở 09 đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm; giải quyết có hiệu quả các điểm phức tạp về tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật, không để kéo dài gây bức xúc dư luận; điều tra, khám phá 330/365 vụ phạm tội về trật tự xã hội, bắt và xử lý 698 đối tượng. Đã xảy ra 221 vụ tai nạn giao thông, làm chết 91 người, bị thương 205 người, thiệt hại tài sản khoảng 920 triệu đồng; xảy ra 52 vụ cháy, thiệt hại hơn 14 tỷ đồng.

**II. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Hạn chế, khó khăn**

**1.1. Về lĩnh vực kinh tế**

(1) Kinh tế của tỉnh tăng trưởng dương 2,24%, vượt kế hoạch đề ra *(KH: (-3,5%) - (-3%)),* nhưng còn ở mức thấp. Giá trị sản xuất công nghiệp phụ thuộc nhiều vào giá trị của sản phẩm lọc hóa dầu và thép. Công nghiệp phát triển thiếu bền vững, công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ cao còn thấp.

(2) Phát triển công nghiệp hỗ trợ còn hạn chế, công tác thu hút đầu tư lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ còn khó khăn. Các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ đã ban hành nhưng việc triển khai chưa đạt hiệu quả cao.

(3) Sản xuất nông nghiệp vẫn thiếu ổn định, bền vững do thời tiết diễn biến phức tạp, dịch bệnh và giá cả thị trường. Phần lớn nông sản bán ra trên thị trường chủ yếu ở dạng thô, chưa qua chế biến nên giá trị gia tăng thấp.

(4) Vướng mắc về cơ chế thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với các dự án chưa được tháo gỡ dứt điểm, dẫn đến hạn chế việc huy động nguồn lực phát triển KTXH của tỉnh.

(5) Công tác quản lý, hỗ trợ các nhà đầu tư, doanh nghiệp chưa chuyên nghiệp, hiệu quả do hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai,… chưa được số hoá, kết nối liên thông và quản lý đồng bộ gây khó khăn, trở ngại đối với các cơ quan quản lý nhà nước cũng như doanh nghiệp trong việc kết nối thông tin, hỗ trợ và quản lý doanh nghiệp.

(6) Do ảnh hưởng của tình hình thế giới cộng với những khó khăn, thách thức ở trong nước, như: giá cả nguyên vật liệu, lãi suất ngân hàng tăng cao cùng với chính sách siết chặt tín dụng nên hạn chế hoạt động sản xuất và xuất khẩu. Theo đó, việc tiếp cận nguồn vốn và các nguồn cung - cầu nguyên vật liệu, hàng hoá, dịch vụ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng lớn đến số lượng doanh nghiệp thành lập mới, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài…

**1.2. Về lĩnh vực xã hội**

(1) Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao của ngành y tế vẫn còn thiếu so với nhu cầu, nhất là tại tuyến huyện; điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

(2) Phát triển du lịch Quảng Ngãi chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và thế mạnh vốn có. Chưa thu hút được các dự án lớn để thúc đẩy du lịch phát triển đột phá và làm nổi bật được giá trị thương hiệu đặc trưng riêng.

(3) Hệ thống các thiết chế văn hóa tuy đã được đầu tư và phát huy nhưng cơ sở vật chất trang bị cho hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở hiện còn thiếu, một số nơi không duy trì được hoạt động thường xuyên.

(4) Một số chính sách, quy định mới về triển khai thực hiện các nhiệm vụ đối với lĩnh vực người có công khi tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương còn nhiều vướng mắc.

**1.3. Về lĩnh vực nội chính và quốc phòng, an ninh**

(1) Việc triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập còn khó khăn, vướng mắc; chưa có hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP nên nội dung Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh được xây dựng mang tính chất tạm thời[[55]](#footnote-55).

(2) Một số cuộc thanh tra còn kéo dài khi xây dựng báo cáo kết quả thanh tra và kết luận thanh tra; công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra còn hạn chế. Việc tổ chức thi hành các quyết định, kết luận đã có hiệu lực pháp luật còn chậm thực hiện dẫn đến công dân phát sinh đơn vượt cấp.

**2. Nguyên nhân**

**2.1. Nguyên nhân của các kết quả đạt được**

(1) Ngay từ đầu năm 2023, tỉnh Quảng Ngãi đã tranh thủ tối đa các điều kiện thuận lợi, cùng với việc nhận diện các khó khăn, thách thức nên đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; đồng thời, bám sát sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan Trung ương, sự lãnh đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đặc biệt là công tác chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nên KTXH của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả rất tích cực, được cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư tin tưởng, đồng hành, mang lại niềm tin lớn trong Nhân dân.

(2) Chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, các Nghị quyết phiên họp thường kỳ, chuyên đề của Chính phủ, các Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản của Bộ, ngành Trung ương, kết luận và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển KTXH.

(3) Trên cơ sở điều kiện thực tế tại địa phương, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển KTXH, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công; thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, trong đó đã giao nhiệm vụ, phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện và thời gian hoàn thành cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, UBND tỉnh thường xuyên tổ chức các cuộc họp thường kỳ đánh giá kết quả phát triển KTXH, chỉ ra những tồn tại hạn chế để đề xuất các giải pháp khắc phục và thúc đẩy phát triển KTXH.

(4) Các sở, ban ngành, địa phương và các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh tích cực phối hợp triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; chủ động tham mưu UBND những nhiệm vụ trọng tâm, hiệu quả góp phần thực hiện đạt kết quả những mục tiêu, chỉ tiêu phát triển KTXH năm 2023.

**2.2. Nguyên nhân của các khó khăn, hạn chế**

***a) Nguyên nhân khách quan***

(1) Trong những tháng đầu năm nền kinh tế chịu ảnh hưởng biến động kinh tế thế giới, tổng cầu trong và ngoài nước suy giảm.

(2) Áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng dầu, giá nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực, đến hoạt động sản xuất, kinh doanh như hoạt động xây dựng, đầu tư công.

(3) Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển KTXH.

(4) Các quy định của pháp luật còn nhiều chồng chéo nhưng chưa kịp thời sửa đổi, nhất là các quy định liên quan đến đất đai, đầu tư, đấu thầu, nhà ở,... Vấn đề tiếp cận đất đai còn nhiều khó khăn, bất cập là nguyên nhân các nhà đầu tư e ngại, chưa mạnh dạn đề xuất đầu tư.

(5) Trong thời gian qua, Tỉnh phải tập trung, dành rất nhiều thời gian để khắc phục, giải quyết, tháo gỡ các nội dung vi phạm, tồn tại, hạn chế kéo dài từ các giai đoạn trước mà Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước đã chỉ ra qua các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH của Tỉnh theo kế hoạch đã đặt ra.

***b) Nguyên nhân chủ quan***

Ngoài những yếu tố khách quan nêu trên thì những tồn tại chưa được khắc phục từ một số nguyên nhân chủ quan, như:

(1) Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

(2) Công tác phối hợp giữa các sở, ngành với nhau; sở, ngành với địa phương trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao có lúc, có nơi còn chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.Một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế về năng lực, chưa mạnh dạn trong công tác tham mưu; chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

***Đánh giá chung:*** *Trong năm 2023, tình hình KTXH của tỉnh đạt được một số kết quả tích cực: Tổng sản phẩm GRDP tăng (2,24%) so với năm 2022 (vượt kế hoạch đề ra là từ -3,5% đến -3%); thu ngân sách vượt chỉ tiêu Trung ương giao (19,9%); doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi tăng cao (17,2%); kim ngạch xuất khẩu tăng (7,6%); sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng trưởng khá (3,5%); các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức sôi nổi, nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân tăng cao, các hoạt động kích cầu du lịch được tổ chức dưới nhiều hình thức đã góp phần thúc đẩy các hoạt động thương mại nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng cao (9,8%); các hoạt động đối ngoại, xúc tiến đầu tư, thương mại được thực hiện thường xuyên, có chất lượng. Các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội tiếp tục quan tâm, chú trọng triển khai; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát để giữ ổn định mặt bằng giá thị trường, góp phần kiểm soát lạm phát; cải cách thủ tục hành chính, rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được thực hiện mạnh mẽ; công tác chuyển đổi số được chú trọng thực hiện trong tất cả các lĩnh vực; các chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh của Tỉnh ta đều tăng hạng so với cả nước và có những bước nhảy vọt rất ấn tượng; kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.*

*Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình KTXH của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, như: Trong những tháng đầu năm nền kinh tế chịu ảnh hưởng biến động kinh tế thế giới, tổng cầu trong và ngoài nước suy giảm, sức mua trong nước vẫn còn yếu, chưa kích thích được sản xuất và đầu tư; nền kinh tế tuy có bước tăng trưởng nhưng vẫn còn thấp; thu tiền sử dụng đất đạt thấp; giá cả nguyên vật liệu, lãi suất ngân hàng tăng cao cùng với chính sách siết chặt tín dụng nên hạn chế hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm sản lượng, kim ngạch nhập khẩu giảm; thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài còn thấp; doanh nghiệp thành lập mới giảm so với cùng kỳ.*

**Phần thứ hai**

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024**

**I. BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024**

**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế**

Bối cảnh thế giới và trong nước tạo ra cả cơ hội và thách thức cho sự phát triển của Quảng Ngãi trong thời gian đến. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường kinh tế, chính trị, an ninh của quốc tế và trong nước. Sự phát triển của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đang làm giảm vị thế của các nền kinh tế dựa vào tài nguyên khoáng sản hay dựa vào lao động, điều này đặt ra những thách thức lớn cho tỉnh, nếu không bắt nhịp với những đổi mới trong khoa học, công nghệ và cách mạng số, sẽ có nguy cơ tụt hậu, năng suất và chất lượng sản phẩm khó cạnh tranh được với các sản phẩm trong nước và quốc tế. Yêu cầu đặt ra là tỉnh phải nắm bắt các cơ hội đem lại từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó, cần ưu tiên cho phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ để đi cùng với tiến trình chuyển đổi số quốc gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Những vấn đề toàn cầu, như: Bảo vệ hòa bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường,… tiếp tục diễn biến phức tạp. Nước ta tiếp tục hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, tham gia đầy đủ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

**2. Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, hạn chế**

**2.1. Thời cơ, thuận lợi**

Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xuất nhập khẩu... được kỳ vọng sẽ có nhiều chuyển biến tích cực; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng.

Quảng Ngãi có nhiều ưu thế để phát triển. Dư địa còn khá lớn, địa hình đa dạng, tài nguyên mặt nước lớn, hệ sinh thái phong phú, diện tích rừng lớn là điều kiện thuận lợi để đa dạng hoá cây trồng, vật nuôi, khai thác và nuôi trồng thuỷ sản, đảm bảo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, phát triển kinh tế rừng, thị trường carbon và cân bằng các nguồn khí thải từ các hoạt động kinh tế khác. Cùng với đó là nhiều di sản thiên nhiên, lịch sử, văn hóa có giá trị, tạo tiềm năng lớn trong phát triển du lịch. Quảng Ngãi có vị trí địa lý thuận lợi, kết nối với các vùng kinh tế trong cả nước, nằm trên hành lang kết nối với Lào và Thái Lan; có đường sắt Bắc - Nam, đường hàng không, đường biển với cảng nước sâu Dung Quất, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đang đầu tư đường cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn...; là điều kiện thuận lợi để phát triển các dịch vụ logistics, kho bãi, hậu cần nghề cá, là tiền đề để Tỉnh hình thành liên kết ngành và liên kết vùng trong công nghiệp và du lịch; lực lượng lao động dồi dào. Dân số gần 1,3 triệu người; mức sống ngày càng cao đây là một thị trường tiềm năng cho các ngành dịch vụ, như: Thương mại, giáo dục, đào tạo, y tế,… Quỹ đất lớn, hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển công nghiệp đang dần được hoàn thiện, đặc biệt là Khu kinh tế Dung Quất với cảng nước sâu là điều kiện để Tỉnh đẩy mạnh thu hút đầu tư và tái cơ cấu ngành công nghiệp. Sự phát triển các ngành công nghiệp nền tảng như: lọc, hoá dầu, luyện kim,… là tiền đề để phát triển chuyên sâu, tạo đột phá trong nâng cao năng suất lao động, hình thành chuỗi liên kết ngành, liên kết vùng.

**2.2. Khó khăn, hạn chế**

Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, xung đột quân sự Nga - Ucraina còn kéo dài, trong khi đó lại tiếp tục nổ ra xung đột vũ trang giữa Israel và Hamas; cạnh tranh chiến lược, trừng phạt lẫn nhau về kinh tế, sự phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chạy đua về khoa học và công nghệ ngày càng gia tăng; tình hình lạm phát, hệ lụy sâu rộng, kéo dài của đại dịch Covid-19, giá xăng dầu và nguyên vật liệu, rủi ro của thị trường bất động sản, tài chính, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu,... ngày càng khó lường.

Dự báo kinh tế tỉnh Quảng Ngãi sẽ phục hồi và có bước phát triển. Tuy nhiên, năm 2024 tiếp tục đối mặt với những khó khăn nhất định, như: Việc dự ước số thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất phụ thuộc rất lớn vào giá dầu thô thế giới và tỷ trọng dầu thô Bạch Hổ, những yếu tố này biến động khó lường; Nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ dừng hoạt động khoảng 2 tháng để thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 5, do đó số thuế phát sinh nộp ngân sách Nhà nước sẽ giảm mạnh so với năm 2023; sản lượng bia Dung Quất tiêu thụ có xu hướng giảm dần dẫn đến số thuế nộp hàng năm cũng giảm tương ứng; nhiều dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất, Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP đang được hưởng ưu đãi về thuế, nên chưa có phát sinh số nộp ngân sách nhà nước;... do đó, sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách trong năm 2024.

Hạ tầng văn hóa - xã hội còn hạn chế và chậm phát triển, chưa tương xứng với phát triển kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu lao động chưa tương xứng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Số hộ nghèo còn cao so với cả nước. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ; chưa hình thành được chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ. Dịch vụ giá trị gia tăng cao, dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật cao, phục vụ phát triển các ngành khác và phục vụ dân sinh chưa thực sự phát triển. Sản phẩm du lịch chưa tạo được thương hiệu riêng, có sức cạnh tranh. Phát triển kinh tế biển chưa tạo động lực chính cho phát triển KTXH của tỉnh.

**II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**1. Mục tiêu**

Tiếp tục thực hiện đạt hiệu quả cao 04 nhiệm vụ trọng tâm[[56]](#footnote-56) và 03 nhiệm vụ đột phá[[57]](#footnote-57) trong giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Tăng cường chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, hướng dẫn, hỗ trợ và tháo gỡ kịp thời khó khăn vướng mắccho doanh nghiệp và người dân về sản xuất kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, thực chất hơn. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển; quyết liệt đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia.

Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhằm nâng cao năng lực nội tại và sức cạnh tranh của nền kinh tế của tỉnh. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế; bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quyết liệt cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự và an toàn xã hội.

**2. Chỉ tiêu chủ yếu**

Chỉ tiêu chủ yếu năm 2024 phân thành 04 nhóm: (1) Chỉ tiêu về kinh tế; (2) Chỉ tiêu về văn hóa, xã hội; (3) Chỉ tiêu về môi trường; (4) Chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh.

Dựa trên kết quả về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH của tỉnh trong năm 2023; căn cứ, dự báo thời cơ và thuận lợi, hạn chế và thách thức ở trong nước và trên địa bàn tỉnh; báo cáo, đánh giá của các ngành, đơn vị liên quan, Quảng Ngãi xây dựng **03 Phương án** tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2024, cụ thể như sau:

| **TT** | **NỘI DUNG** | **Đơn vị tính** | **Phương án 1** | **Phương án 2** | **Phương án 3** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Tốc độ tăng trưởng GRDP** | **%** | **1,0 - 2,0** | **2,0 - 2,5** | **2,5 - 3,0** |
|  | **Trong đó** |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)*** | ***%*** | ***3,14*** | ***3,14*** | ***3,14*** |
| ***2*** | ***Khu vực II (Công nghiệp - Xây dựng)*** | ***%*** | ***-2,48*** | ***-0,26*** | ***1,98*** |
| ***3*** | ***Khu vực III (Dịch vụ)*** | ***%*** | ***8,50*** | ***8,50*** | ***8,50*** |
| ***4*** | ***Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm*** | ***%*** | ***-5,00*** | ***-5,00*** | ***-5,00*** |
| **II** | **Các yếu tố/điều kiện ảnh hưởng đến kết quả tăng trưởng theo từng phương án** |  |  |  |  |
| **1** | **Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn** | **Tỷ đồng** | **38.000-39.000** | **38.000-39.000** | **38.000-39.000** |
| **2** | **Giá trị sản xuất** |  |  |  |  |
| **2.1** | **Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)** | **%** | **3,12** | **3,12** | **3,12** |
|  | *Nông nghiệp* | *%* | *3,38* | *3,38* | *3,38* |
|  | *Lâm nghiệp* | *%* | *4,00* | *4,00* | *4,00* |
|  | *Thủy sản* | *%* | *2,50* | *2,50* | *2,50* |
| **2.2** | **Khu vực II (Công nghiệp - Xây dựng)** | **%** | **-3,00** | **-0,69** | **1,52** |
|  | *Sản lượng dầu* | *Triệu tấn* | *5,885* | *6,1* | *6,1* |
|  | *Sản lượng thép* | *Triệu tấn* | *4,73* | *5,0* | *5,474* |
|  | *Sản phẩm công nghiệp khác* | *%* | *9,0-10,0* | *9,0-10,0* | *9,0-10,0* |
|  | *Xây dựng* | *%* | *100,0* | *100,0* | *100,0* |
| **2.3** | **Khu vực III (Dịch vụ)** | **%** | **8,0-9,0** | **8,0-9,0** | **8,0-9,0** |

Theo đó, các phương án tăng trưởng này được xây dựng trên cơ sở: Tỉnh Quảng Ngãi tăng cường nỗ lực, tập trung phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu KTXH, 04 nhiệm vụ trọng tâm và 03 nhiệm vụ đột phá đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, dự lường một số yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện của các ngành, lĩnh vực chủ yếu trong nền kinh tế của tỉnh, cụ thể là:

**\* Phương án 1:** Ước tính giá trị sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng khoảng 3,12% *(trong đó, nông nghiệp tăng 3,38%; lâm nghiệp tăng 4,0%; thủy sản tăng 2,5%);* khu vực công nghiệp - xây dựng giảm 3,0%, trong đó, năm 2024 Nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ dừng hoạt động khoảng 50 ngày[[58]](#footnote-58) để thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 5 nên dự kiến sản lượng lọc dầu đạt khoảng 5,885 triệu tấn *(bằng năm thực hiện bảo dưỡng 2020);* Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất tiếp tục hoạt động bình thường trở lại, nên sản lượng thép năm 2024 dự kiến đạt khoảng 4,73 triệu tấn *(bằng năm 2022 và 2023);* các ngành công nghiệp ngoài dầu, thép tăng khoảng 9-10%; vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn ước đạt 39.000 tỷ đồng *(tăng 2,15% so với năm 2023)* và giá trị sản suất khu vực xây dựng đạt 11.907 tỷ đồng *(bằng 100% năm 2023);* khu vực dịch vụ tăng khoảng 8-9%*.* Với giả định này, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 1,0 - 2,0%;

(2) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.370 USD;

(3) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 68-69%; *trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 41-42%;*

(4) Năng suất lao động xã hội tăng 0,5 - 1,5%;

(5) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 38.000-39.000 tỷ đồng.

**\* Phương án 2:** Các yếu tố khác giống như **Phương án 1.** Riêng, sản lượng lọc dầu của Nhà máy lọc dầu Dung Quất dự kiến đạt khoảng 6,1 triệu tấn *(bằng năm thực hiện bảo dưỡng 2017);* Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất tiếp tục hoạt động bình thường và có bước phát triển, sản lượng thép năm 2024 dự kiến đạt khoảng 5,0 triệu tấn *(tăng khoảng 5-6% so với năm 2023),* nên giá trị sản xuất khu vực công nghiệp - xây dựng giảm 0,69%*.* Với giả định này, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 2,0 - 2,5%;

(2) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.410 USD;

(3) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 69-70%; *trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 42-43%;*

(4) Năng suất lao động xã hội tăng 1,0 - 2,0%;

(5) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 38.000-39.000 tỷ đồng.

**\* Phương án 3:** Các yếu tố khác giống như **Phương án 1.** Riêng, sản lượng lọc dầu của Nhà máy lọc dầu Dung Quất dự kiến đạt khoảng 6,1 triệu tấn *(bằng năm thực hiện bảo dưỡng 2017);* Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất có bước phát triển tăng tốc vượt bậc, sản lượng thép năm 2024 dự kiến đạt khoảng 5,474 triệu tấn *(cao nhất bằng năm 2021),* nên giá trị sản xuất khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 1,52%*.* Với giả định này, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 2,5 - 3,0%;

(2) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.460 USD;

(3) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 70-71%; *trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 43-44%;*

(4) Năng suất lao động xã hội tăng 2,0 - 3,0%;

(5) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 38.000-39.000 tỷ đồng.

Trên cơ sở ý kiến của lãnh đạo tỉnh, các sở ngành, Cục Thống kê tỉnh và các đơn vị có liên quan, tốc độ tăng trưởng GRDP theo Phương án 3 khá cao và có khả năng thực hiện được, đó là động lực để thúc đẩy phát triển KTXH của tỉnh trong thời gian đến. Đồng thời, tỉnh đang đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án lớn, trọng điểm, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển KTXH của tỉnh, như: Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn II, Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong, Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (Cầu Trà Khúc 3); Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01) đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn; Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; các dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất; Dự án Khu đô thị, công nghiệp Dung Quất; Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN nhẹ Bình Hòa - Bình Phước, Dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP 2,... Tỉnh Quảng Ngãi chọn **Phương án 3** làm phương án tăng trưởng năm 2024 của tỉnh để tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành nỗ lực phấn đấu nhằm quyết tâm duy trì sự ổn định, phát triển của nền kinh tế và góp phần hoàn thành mục tiêu Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2021-2025 đã đề ra. Theo đó, Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

**a) Nhóm chỉ tiêu về kinh tế:** bao gồm 07 chỉ tiêu:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 2,5 - 3,0%;

(2) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.460 USD;

(3) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 70-71%; *trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 43-44%;*

(4) Năng suất lao động xã hội tăng 2,0 - 3,0%;

(5) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 38.000-39.000 tỷ đồng.

(6) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 38,5%;

(7) Phấn đấu thu ngân sách vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao trên 5%.

**b)** **Nhóm chỉ tiêu về văn hóa, xã hội:** bao gồm 10 chỉ tiêu:

(8) Có 03 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới;

(9) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn khoảng 32,1%;

(10) Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 64,40%;

(11) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 1,5%;

(12) Có ít nhất 57,97% trường mầm non; 87,42% trường tiểu học; 89,92% trường trung học cơ sở; 36,54% trường tiểu học - trung học cơ sở; 69,23% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia;

(13) Số bác sỹ/vạn dân đạt 7,91 bác sĩ;

(14) Số gường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã) đạt 31,8 giường;

(15) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,20% dân số;

(16) Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng lực lượng lao động trong độ tuổi là 24-25%;

(17) Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1,58-1,6%; trong đó, miền núi giảm từ 6-7%, đồng bằng giảm 0,4-0,6% *(theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025).*

**c)** **Nhóm chỉ tiêu về tài nguyên, môi trường:** bao gồm 06 chỉ tiêu.

(18) Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 89,9%;

(19) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 99%, trong đó, sử dụng nước sạch 70%;

(20) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt chuẩn đạt 64%;

(21) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt chuẩn đạt 95%;

(22) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt 90%;

(23) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 52%;

**d)** **Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh:** bao gồm 02 chỉ tiêu.

(24) Có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 65%;

(25) Ít nhất 80% xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

**III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2024**

**1.** **Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung chỉ đạo của Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội**

Kịp thời ban hành các quyết định, chương trình hành động, kế hoạch, chỉ thị, xây dựng các phương án, kịch bản điều hành và quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ về phát triển KTXH năm 2024.

Tăng cường nỗ lực, tập trung phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu KTXH, 04 nhiệm vụ trọng tâm và 03 nhiệm vụ đột phá đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển KTXH; 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh.

**2. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các quy hoạch; phát triển hệ thống đô thị; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng số**

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy hoạch sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt: Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2045, các quy hoạch phân khu 1/2000 trong Khu kinh tế Dung Quất; các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng.

- Quy hoạch xây dựng vùng các huyện, quy hoạch các đô thị, xã nông thôn có tầm nhìn tổng thể, dài hạn, cùng với các giải pháp đột phá, mở rộng không gian và nguồn lực cho phát triển, đảm bảo đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, gắn kết chặt chẽ với sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, các khu đô thị - dịch vụ - du lịch dọc tuyến ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, kết hợp với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển; đảm bảo sự gắn kết và hài hòa giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, theo mô hình - tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp gắn kết chặt chẽ với phát triển mạng lưới đô thị, các trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch theo hướng đa trung tâm tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương. Thành phố Quảng Ngãi thực hiện thí điểm mô hình đô thị thông minh, mở rộng không gian nội thành và nâng cấp 05 xã lên phường trước năm 2025, phấn đấu đến 2030 đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại I; tập trung đầu tư, phát triển Khu kinh tế Dung Quất, làm động lực chính để phát triển toàn huyện Bình Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV và trở thành thị xã trực thuộc tỉnh vào năm 2025; hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV của thị xã Đức Phổ, phấn đấu đến 2030 đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại III.

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, từng bước nâng cao chất lượng phát triển đô thị. Phát huy thế mạnh của từng đô thị và cả hệ thống đô thị để đô thị thực sự trở thành vùng động lực thúc đẩy phát triển KTXH. Phát triển đô thị thông minh, sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp gắn với phát triển mạng lưới đô thị. Phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh.

- Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 14/02/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ chính trị về phát triển KTXH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó: tổ chức triển khai thực hiện Đề án để xây dựng trung tâm lọc, hoá dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất và Đề án phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo, trong đó, ưu tiên kêu gọi nhà đầu tư có tiềm lực xây dựng cơ sở hạ tầng đảo Lý Sơn.

- Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng dùng chung mang tính kết nối vùng và liên vùng. Phối hợp, gắn kết với các địa phương trong vùng xúc tiến đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực, thúc đẩy phát triển KTXH.

- Phân bổ kế hoạch đầu tư công hợp lý, khoa học, đảm bảo yêu cầu nguồn vốn và sự phát triển. Tập trung vốn cho các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa lớn, có khả năng giải ngân nhanh và hấp thụ ngay vào nền kinh tế, phù hợp với quy hoạch, sử dụng nguồn vốn hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu trong từng năm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Phấn đấu hàng năm giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công gắn với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Chủ động phối hợp để tranh thủ nguồn vốn đầu tư hoàn thành toàn bộ tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đảm bảo kết nối đồng bộ với quy hoạch đường bộ ven biển với các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định) và quy hoạch tuyến đường bộ ven biển Việt Nam. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ có kế hoạch sớm triển khai xây dựng tuyến Cao tốc Quảng Nam - Quảng Ngãi (CT.22) và tuyến Cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum nhằm hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, tạo sự liên kết và động lực phát triển hình thành: *“Hành lang kinh tế Đông - Tây”*[[59]](#footnote-59) kết nối Vùng động lực miền Trung theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội với vùng Tây Nguyên và Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan.

- Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, nhất là đồng hành, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; triển khai hiệu quả Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025. Tập trung thu hút các dự án đầu tư có chất lượng theo danh mục dự án trọng điểm thu hút đầu tư vào tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư đối với các nước có nền công nghiệp hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, các dự án có sự lan tỏa và đáp ứng nhu cầu thúc đẩy phát triển KTXH của tỉnh theo hướng hiện đại, bền vững.

**3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế biển**

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11/5/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, các Đề án, Kế hoạch của UBND tỉnh: (i) Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; (ii) Đề án Tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (iii) các kế hoạch: Kế hoạch Tái cơ cấu ngành công thương tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó: Phát triển kinh tế biển đồng bộ cả công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, hạ tầng cảng biển, logistics.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất lao động, tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững và có chiều sâu, tạo ra những sản phẩm có lợi thế mạnh, có thương hiệu, tham gia sâu và hiệu quả vào chuỗi sản xuất của khu vực và toàn cầu; ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch; chế biến, chế tạo.

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương trong việc xây dựng Đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp trên địa bàn toàn vùng. Tập trung hỗ trợ chủ đầu tư trong quá trình triển khai xây dựng các dự án có quy mô lớn và có tính lan toả như: Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01) đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (Bình Định); Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 và các dự án Nhà máy điện tubin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, nhằm cung cấp nguồn điện ổn định cho hệ thống điện Miền Trung và hệ thống điện Quốc gia, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng.

- Tập trung xúc tiến những ngành nghề, lĩnh vực mà Khu kinh tế Dung Quất có lợi thế so sánh, đặc biệt là các ngành nghề liên quan đến sử dụng cảng biển nước sâu, các dự án có nhu cầu sử dụng quỹ đất rộng, các dự án gắn với nguồn nguyên liệu tại chỗ; đồng thời, thu hút các lĩnh vực phụ trợ cho ngành công nghiệp luyện cán thép; chuỗi dự án sản xuất các sản phẩm sau thép, cơ khí chế tạo, gia công hàng xuất khẩu; các dự án dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ logistics nhằm phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành trung tâm dịch vụ cảng đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực.

- Triển khai thực hiện thành công Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 với các nội dung chủ yếu: Đưa cơ giới hóa vào sản xuất; áp dụng quy trình thực hành sản xuất đồng bộ; đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại trong bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa và không ngừng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới phù hợp với chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp liên kết, sản xuất theo chuỗi giá trị, nhân rộng mô hình liên kết 4 nhà phát triển sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh tạo bước chuyển toàn diện về phát triển nông nghiệp đến năm 2025.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, áp dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến nông sản, nâng cao năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng chế biến sâu có giá trị gia tăng cao, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của từng thị trường. Khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở chế biến áp dụng quy trình, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, như: ISO, HACCP, GMP..., đồng thời duy trì, thiết lập và giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói đối với một số cây trồng có tiềm năng xuất khẩu.

- Tập trung phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, năng suất cao, giá trị lớn và có khả năng xuất khẩu; xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp; phát triển sản phẩm chủ lực, đặc trưng, có thế mạnh. Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới; tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu.

- Phát triển thủy sản bền vững; hiện đại tàu cá và nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản xa bờ; tập trung nuôi trồng các loại thủy sản có lợi thế, có tính cạnh tranh cao. Thu hút đầu tư các cơ sở bảo quản, chế biến thủy sản.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch, nhất là du lịch biển, đảo; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

**4. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu**

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý đất đai. Siết chặt quản lý, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, khoáng sản. Bảo vệ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước.

- Thực hiện hiệu quả, chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường khi triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Tăng cường thanh, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, giải quyết triệt để các vấn đề bức xúc liên quan đến rác thải, ô nhiễm môi trường. Từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Tăng cường bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng. Duy trì các hệ sinh thái rừng phòng hộ, cảnh quan, vùng sinh quyển *(các hồ chứa nước, sông suối)*, quản lý tốt các hoạt động phát triển kinh tế trong khu vực tài nguyên. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm, khai thác, xâm phạm trái phép rừng phòng hộ, cấm hoạt động săn bắt, tận diệt các nguồn đa dạng sinh học.Tăng cường áp dụng các biện pháp để giảm xói mòn đất và nước trong sản xuất nông nghiệp, chống đất bị bạc màu và tăng độ phì cho đất canh tác. Quản lý tốt hoạt động mở đường tự phát gây xói mòn, sạt lở núi trong khai thác rừng keo hiện nay.

- Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng kịp thời và chủ động ở các vùng dễ bị tác động, ảnh hưởng thiên tai.

**5. Phát triển toàn diện văn hoá - xã hội**

- Đổi mới căn bản, toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; hoàn thiện hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo và thay sách giáo khoa mới; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức công dân, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; bảo đảm an toàn trường học, vệ sinh trường học, môi trường sư phạm thân thiện, lành mạnh; chủ động hội nhập, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt y tế cơ sở; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ sở khám, chữa bệnh; đẩy mạnh kêu gọi đầu tư phát triển y tế kỹ thuật cao, dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; chú trọng hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tiếp cận, vận dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả KTXH và thu nhập của Nhân dân; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển KTXH nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp; sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; vận động với nhiều hình thức đa dạng về hiệu quả đào tạo nghề bằng kết quả, hình ảnh dẫn chứng thực tế cuộc sống của người lao động sau khi học nghề,… kịp thời thông tin nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trên địa bàn để người lao động tiếp cận thông tin tìm kiếm việc làm. Thực hiện tốt các chính sách người có công, chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội.

- Bảo vệ và phát huy những giá trị tốt đẹp, bền vững trong văn hóa truyền thống và tiếp thu, chọn lọc các giá trị văn hóa hiện đại tích cực để xây dựng con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ, khẳng khái, khoan dung, thân thiện, năng động, có ý thức trách nhiệm xã hội, có lòng yêu nước, khát vọng cống hiến vì sự phát triển của quê hương, đất nước. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; xây dựng hồ sơ trình UNESCO ghi danh Văn hóa Sa Huỳnh là di sản văn hóa thế giới. Đẩy mạnh các hoạt động thể thao quần chúng, nâng cao chất lượng giống nòi; tầm vóc, thể lực con người Quảng Ngãi.

**6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính; chuyển đổi số**

- Đẩy mạnh cải cách công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; rà soát, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp của tỉnh, xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ; đẩy nhanh công tác phê duyệt vị trí việc làm. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường công tác cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025. Triển khai các giải pháp để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; sớm khắc phục tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và đề xuất phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế, xã hội giữa các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, vùng động lực miền Trung; các chương trình triển khai chuyển đổi số tại vùng.

- Tiếp tục mở rộng mạng viễn thông, từng bước phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới trong triển khai mạng truy nhập Internet băng rộng. Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động/tích cực tích hợp với các hạ tầng liên ngành có tính thiết yếu như điện, nước).

- Triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh bảo đảm phù hợp, tương thích và có khả năng triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây; khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu Quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các nền tảng số Quốc gia dùng chung theo ngành, lĩnh vực do các Bộ, ngành Trung ương chủ trì và công bố.

**7. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác nội chính và đối ngoại**

- Tăng cường công tác nắm, dự báo, đánh giá sát tình hình, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự (ANTT), kịp thời xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ, giải quyết tốt các vấn đề phức tạp về ANTT, nhất là các vụ đình công, lãn công, khiếu kiện liên quan đến phát triển các dự án kinh tế, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về ANTT. Mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Kiên quyết đấu tranh, triệt xóa các băng nhóm, hoạt động “tín dụng đen”, đối tượng trộm cắp tài sản, côn đồ đòi tiền bảo kê doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ANTT gắn với triển khai quyết liệt các giải pháp ứng dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, căn cước công dân; các tiện ích của Đề án số 06 của Chính phủ để phục vụ công tác quản lý xã hội và phòng, chống tội phạm. Phấn đấu xây dựng ít nhất 80% xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.

- Tăng cường công tác thanh tra, kịp thời phát hiện xử lý vi phạm; thực hiện đúng quy định về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Đẩy mạnh công tác hội nhập quốc tế, trong đó lấy hội nhập kinh tế quốc tế làm trọng tâm và đa dạng hóa hoạt động ngoại giao văn hóa và đối ngoại Nhân dân. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và Cộng đồng Kinh tế ASEAN để mở rộng thị trường xuất khẩu, nhập khẩu.

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, công tác vận động viện trợ nước ngoài vào tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác hữu nghị truyền thống với các địa phương của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Tăng cường mở rộng, thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước trên thế giới (trong đó, có các nước tiểu vùng sông Mê Công, ASEAN, khu vực Đông Bắc Á); tăng cường quan hệ với các cơ quan ngoại giao, tổ chức nước ngoài.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về mục tiêu, vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế; Chiến lược ngoại giao văn hóa của Chính phủ và chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh về công tác ngoại giao văn hóa; giới thiệu, quảng bá thông tin, hình ảnh của tỉnh, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, viện trợ ODA, NGO,…

- Thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền; đổi mới, đa dạng hóa phương thức tập hợp, vận động Người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN), đặc biệt là thế hệ trẻ, những cá nhân có uy tín và ảnh hưởng lớn trong cộng đồng NVNONN; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, địa phương trong việc thực hiện công tác vận động NVNONN. Hàng năm, tổ chức gặp mặt bà con kiều bào nhân dịp Tết Cổ truyền của dân tộc; tham gia các chương trình, hoạt động liên quan đến công tác kiều bào do Ủy ban Nhà nước về NVNONN - Bộ Ngoại giao tổ chức.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;  - Bộ Tư lệnh Quân Khu V;  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;  - CT, PCT UBND tỉnh;  - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;  - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các cơ quan chuyên trách giúp việc Tỉnh ủy;  - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,  các Ban HĐND tỉnh;  - Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;  - Các sở, ban, ngành, tổ chức CT - XH tỉnh;  - UBND các huyện, thành phố;  - Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;  - VPUB: PCVP, các P.N/cứu, CBTH;  - Lưu: VT, KTTH. | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN **CHỦ TỊCH**  **Đặng Văn Minh** |

1. Kết luận số 1492-KL/TU ngày 05/12/2022 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10, Khóa XX về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022; mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp năm 2023; Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023; các Quyết định: số 1575/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về Chương trình công tác trọng tâm năm 2023; số 68/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023; số 69/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 ban hành Kế hoạch hành động thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2023; các Chỉ thị: số 01/CT-UBND ngày 01/01/2023 về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2023; số 02/CT-UBND ngày 18/01/2023 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023 về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-1)
2. Điều chỉnh tên Chỉ tiêu: *“Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế”* thành: *“Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng lực lượng lao động trong độ tuổi”* để đảm bảo đúng tên gọi của Chỉ tiêu và phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. [↑](#footnote-ref-2)
3. Chỉ tiêu số xã đạt chuẩn Quốc gia về nông thôn mới: Uớc đến hết năm 2023, chỉ có 06 xã đạt chuẩn, không đạt Kế hoạch đề ra *(KH: 07 xã)*. Nguyên nhân cơ bản là: Nguồn lực Trung ương bố trí cho Chương trình vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của các địa phương; trong các xã đạt chuẩn NTM đến năm 2025, phần lớn thuộc các xã đặc biệt khó khăn *(24 xã)* của Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã này có địa bàn rộng, mật độ dân cư thưa thớt và phân bố rải rác, do đó rất khó khăn trong đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi,... người dân chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số, hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nên việc huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình gặp khó khăn, chủ yếu dựa vào sự đầu tư, hỗ trợ từ Nhà nước. Đồng thời, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới với 19 tiêu chí, 57 chỉ tiêu (tăng 8 chỉ tiêu so với giai đoạn 2016-2020) yêu cầu đạt chuẩn ở mức độ cao hơn, rất khó đạt. [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo Thông báo tại Công văn số 1152/TCTK-TKQG ngày 12/7/2023 của Tổng cục Thống kê. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 3,54%, vượt kế hoạch năm *(KH: tăng 3,23%);* khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 1,94%, vượt kế hoạch *(KH: giảm 12,24%);* khu vực dịch vụ tăng 4,90%, không đạt kế hoạch *(KH: 8,5%);* thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm giảm 3,0%, vượt kế hoạch *(KH giảm 7,7%).* [↑](#footnote-ref-5)
6. Nguyên nhân: Sản phẩm lọc hóa dầu vượt do Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất điều chỉnh thời điểm thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 5 trong năm 2023 sang tháng 3/2024 (Quyết định số 2563/QĐ-BSR ngày 04/4/2023 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn); Thép vượt do Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa trở lại hoạt động 02 lò cao bị dừng từ tháng 11/2022; cụ thể: Lò cao số 01 và số 04 hoạt động bình thường; ngày 03/4/2023, đưa lò cao số 02 trở lại hoạt động và ngày 10/7/2023 tiếp tục đưa lò cao số 3 trở lại hoạt động bình thường. [↑](#footnote-ref-6)
7. Nguyên nhân: Doanh nghiệp điều tiết giảm kế hoạch sản xuất sữa trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với thị trường tiêu thụ; dăm gỗ nguyên liệu giấy không đạt do giá thu mua giảm cùng với diện tích keo đến chu kỳ khai thác không nhiều; sợi, giày da không đạt do tình hình chiến tranh tại Ucraina gây ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ sản phẩm này tại các nước Đông Âu… [↑](#footnote-ref-7)
8. Năm 2023 các kỳ nghỉ lễ kéo dài và nhiều chuỗi sự kiện văn hóa, thể thao được tổ chức nhằm kích cầu du lịch và tiền lương cơ sở tăng nên nhu cầu tiêu dùng mua sắm hàng hàng hóa, doanh thu các ngành dịch vụ, lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tăng. [↑](#footnote-ref-8)
9. Một số doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu như: Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi mở rộng xuất khẩu sang Philipines và Hàn Quốc; Công ty TNHH Hệ thống Điện GE Việt Nam xuất khẩu 02 hệ thống modul của lò hơi thu nhiệt sang Đài Loan với giá trị lớn. Một số doanh nghiệp tham gia xuất khẩu mới: các sản phẩm như quần áo thể thao đi mưa sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Anh, Mỹ của Công ty TNHH Toray International Việt Nam; bộ dây truyền dẫn điện trong ô tô sang thị trường Nhật Bản của Công ty TNHH Fujikura Automotive; bộ ống truyền y tế, chi tiết của bộ ống truyền y tế sang thị trường Mỹ, Thái Lan của Công ty TNHH M.E Nikkiso Việt Nam. [↑](#footnote-ref-9)
10. Một số thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn của tỉnh đang thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên chống lạm phát và biện pháp bảo hộ để duy trì tăng trưởng. Tình hình xung đột Nga - Ucraina kéo dài đã ảnh hưởng đến tình hình đầu tư, phát triển kinh tế của các nước. Kinh tế thế giới hồi phục chậm và sự sụp đổ của một số ngân hàng trên thế giới có những tác động nhất định đến xu hướng thắt chặt chi tiêu mua sắm, đồng thời Trung Quốc mở cửa trở lại cũng tạo nhiều áp lực cạnh tranh đối với hàng xuất khẩu cùng chủng loại của Việt Nam nói chung và của tỉnh nói riêng. Những ngành hàng như dệt may, da giày, gỗ, thuỷ sản với thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, EU... có mức sụt giảm nhiều nhất. Đồng thời, một số ngành hàng xuất khẩu như thuỷ sản, gỗ và sản phẩm gỗ… đang đối mặt với các áp lực về điều tra [phòng vệ thương mại](https://tapchicongthuong.vn/hashtag/phong-ve-thuong-mai-426.htm). Chi phí nguyên liệu vật tư đầu vào tăng cao cũng ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của hàng hoá xuất khẩu. [↑](#footnote-ref-10)
11. Trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 9.287 tỷ đồng, tăng 3,7%; lâm nghiệp đạt 2.273 tỷ đồng, tăng 4,5%; thuỷ sản đạt 7.234 tỷ đồng, tăng 3,0%. [↑](#footnote-ref-11)
12. Nguyên nhân diện tích lúa giảm so với cùng kỳ năm trước là do một số diện tích nông dân thực hiện chuyển đổi sang các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Bên cạnh đó, một số diện tích đất lúa bị thu hồi để thực hiện dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, thuộc dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông và dự án đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh. [↑](#footnote-ref-12)
13. Cây ngô: 109,6 ha; ngô sinh khối: 46,0 ha; cây lạc: 56,0ha; cây rau các loại: 78,3ha; cây đậu các loại: 9,1ha; cây cỏ chăn nuôi: 100,4 ha; cây khác: 59,1ha, cây lâu năm 1,0ha. [↑](#footnote-ref-13)
14. Trong đó: Trên cây lúa: 97 cánh đồng với với diện tích 1.754,5ha, tăng 33 cánh đồng với diện tích 260 ha so với kế hoạch đề ra, năng suất bình quân ước đạt từ 69 tạ/ha; trên cây lạc: 03 cánh đồng với với diện tích 116 ha, đạt 100% so kế hoạch; trên cây dưa hấu thực hiện 05 cánh đồng với với diện tích 75 ha, đạt 100%. [↑](#footnote-ref-14)
15. Trong đó: giai đoạn 2021-2025 hoàn thành 1.500 căn, giai đoạn 2026-2030 hoàn thành 4.800 căn. [↑](#footnote-ref-15)
16. Thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 12.036 tỷ đồng, tăng 85,7% dự toán Trung ương giao và tăng 77,4% dự toán HĐND tỉnh giao; thu tiền sử dụng đất ước đạt 1.200 tỷ đồng, tăng 3,1% so với cùng kỳ, bằng 46,7% dự toán năm. [↑](#footnote-ref-16)
17. Cao hơn trung ương giao 130 tỷ đồng từ nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước là 100 tỷ đồng và vốn xổ số kiến thiết là 30 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-17)
18. Trong đó: Vốn tỉnh quản lý được bổ sung ngoài kế hoạch (dự phòng NSTW, dự phòng NST, Vượt thu, tiết kiệm chi…) là 754,204 tỷ đồng; Vốn HĐND huyện + xã tự bố trí là 330,962 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-18)
19. Tại các Quyết định: số 1113/QĐ-TTg ngày 21/9/2022; số 202/QĐ-TTg ngày 08/3/2023; số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển KTXH. [↑](#footnote-ref-19)
20. Theo tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi năm 2023. [↑](#footnote-ref-20)
21. PCI: Năm 2020 xếp hạng 36/63 tỉnh thành; năm 2021 xếp hạng 45/63, giảm 09 bậc so với năm 2020. [↑](#footnote-ref-21)
22. PAPI: Năm 2020 xếp hạng 60/63 tỉnh thành; năm 2021 xếp hạng 43/63, tăng 17 bậc so với năm 2020. [↑](#footnote-ref-22)
23. PAR INDEX: Năm 2020 xếp hạng 63/63 tỉnh thành; năm 2021 xếp hạng 39/63, tăng 24 bậc so với năm 2020. [↑](#footnote-ref-23)
24. SIPAS: Năm 2020 xếp hạng 59/63 tỉnh thành; năm 2021 xếp hạng 53/63, tăng 06 bậc so với năm 2020. [↑](#footnote-ref-24)
25. Tham gia Đoàn công tác xúc tiến đầu tư tại Nhật Bản và Hàn Quốc, Đức và Đan Mạch; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các hội nghị, hội thảo như: Hội nghị Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 và hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc do Tổng Lãnh quán Hàn Quốc tại Đà Nẵng, Nhịp cầu phát triển do Bộ Ngoại giao phối hợp với Tạp chí Kinh tế Việt Nam, Diễn đàn Kinh tế Tài chính, Hội nghị hợp tác giữa các địa phương Việt Nam và Pháp, Hội nghị triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị, Hội nghị tổng kết Chương trình hợp tác phát triển KTXH giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ... qua đó quảng bá về tiềm năng, lợi thế của tỉnh Quảng Ngãi, của KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi đến các nhà đầu tư tiềm năng. Thường xuyên liên hệ và làm việc trực tiếp với các tổ chức xúc tiến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như Tổ chức Xúc tiến Thương mại Nhật Bản (JETRO), Tổ chức Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Hàn Quốc (KOTRA), Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam (EUROCHAM) để kết nối doanh nghiệp nước ngoài đã đầu tư tại Việt Nam đến tìm hiểu môi trường đầu tư tại tỉnh. [↑](#footnote-ref-25)
26. Gồm: (1) Nhà máy sản xuất vải Sedo - Dung Quất 31,8 triệu USD; (2) Nhà máy sản xuất khí công nghiệp Messer - Quảng Ngãi 133,285 triệu USD; (3) Dự án sản xuất Great Honor 1,215 triệu USD; (4) Dự án Nhà máy sản xuất vật dụng trang trí bể cá cảnh Yusee - Techlink Quảng Ngãi 6 triệu USD. Lũy kế có 68 dự án FDI còn hiệu lực tổng vốn đầu tư 2.085 triệu USD. [↑](#footnote-ref-26)
27. Gồm: (1) Nhà máy sản xuất thép dây cuộn chất lượng cao Hòa Phát Dung Quất 3.200 tỷ đồng; (2) Nhà máy bê tông An Hội 20 tỷ đồng; (3) Cửa hàng xăng dầu Sơn Ba 03 tỷ đồng; (4) Nhà máy gia công ván công nghiệp 12 tỷ đồng; (5) Nhà máy bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông Bách Bằng 24,37 tỷ đồng; (6) Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông 30 tỷ; (7) Nhà máy chế biến gỗ Dung Quất 20 tỷ; (8) Nhà máy chế biến gỗ Nhất Hưng Dung Quất II với 100 tỷ. Lũy kế đến nay có 627 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 380.284 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-27)
28. Trong đó: 61 Công ty cổ phần, 137 Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 430 Công ty TNHH MTV, 05 Doanh nghiệp tư nhân; chưa tính 415 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 11.152 doanh nghiệp được thành lập, trong đó: có 9.511 doanh nghiệp đang hoạt động (chiếm 85,3%). [↑](#footnote-ref-28)
29. Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-29)
30. Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Bình Thanh. [↑](#footnote-ref-30)
31. Khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tịnh Phong; Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất và Đô thị Lý Sơn. [↑](#footnote-ref-31)
32. Gồm: (1) Nhà máy sản xuất thép dây cuộn chất lượng cao Hòa Phát Dung Quất; (2) Nhà máy sản xuất vải Sedo - Dung Quất; (3) Nhà máy sản xuất khí công nghiệp Messer - Quảng Ngãi; (4) Dự án sản xuất Great Honor; (5) Nhà máy chế biến gỗ Dung Quất; (6) Nhà máy chế biến gỗ Nhất Hưng Dung Quất II; (7) Dự án Nhà máy sản xuất vật dụng trang trí bể cá cảnh Yusee - Techlink Quảng Ngãi. [↑](#footnote-ref-32)
33. Trong đó, điều chỉnh, bổ sung 05 mỏ đất đồi phục vụ nhu cầu VLXD dự án cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn. [↑](#footnote-ref-33)
34. Toàn tỉnh có 585 đơn vị, cơ sở giáo dục, trong đó có: 207 trường mầm non; 151 trường tiểu học; 129 trường THCS; 52 trường TH&THCS; 39 trường THPT; 01 Trường Liên cấp thành phố giáo dục quốc tế IEC-Quảng Ngãi; 01 Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh; 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; 04 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện, thị xã. [↑](#footnote-ref-34)
35. Theo đó, số lượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phải thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn cả lộ trình là 894 giáo viên (39 giáo viên mầm non, 446 giáo viên tiểu học, 409 giáo viên trung học cơ sở). [↑](#footnote-ref-35)
36. Dự án: “Chương trình Giáo dục mầm non giai đoạn 2017-2021” do Tổ chức hợp tác phát triển và Hỗ trợ kỹ thuật Vùng Fla-măng, Vương quốc Bỉ (VVOB) tài trợ tại 05 huyện miền núi; Tổ chức OneSky triển khai Dự án:“Hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi”; Dự án “Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh khiếm thính cấp tiểu học thông qua ngôn ngữ kí hiệu” (QIPEDC) do Quỹ hợp tác toàn cầu về tài trợ đầu ra (GPRBA) viện trợ không hoàn lại ủy thác thông qua Ngân hàng Thế giới; Dự án “IPLAY Việt Nam - Lồng ghép các hoạt động học thông qua chơi cho học sinh tiểu học” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do Tổ chức VVOB Việt Nam tài trợ; Chương trình thư viện thân thiện của Dự án Room to read. [↑](#footnote-ref-36)
37. Theo Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-37)
38. Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; Đề án Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; Đề án Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi… [↑](#footnote-ref-38)
39. Tặng 56.909 suất quà của Chủ tịch nước, tổng kinh phí 17,348 tỷ đồng; 80.573 suất quà bằng tiền mặt của UBND tỉnh, với tổng kinh phí: 35,934 tỷ đồng và 33.343 suất quà bằng hiện vật cho gia đình liệt sĩ, với tổng kinh phí 13,337 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-39)
40. Giải quyết cho hơn 3.293 trường hợp hưởng chế độ trợ cấp chính sách người có công. [↑](#footnote-ref-40)
41. Tặng 51.380 suất quà của Chủ tịch nước, tổng kinh phí 15,618 tỷ đồng; 53.118 suất quà bằng tiền mặt của UBND tỉnh, với tổng kinh phí: 26,657 tỷ đồng và 9.912 suất quà bằng tiền mặt của các huyện với tổng kinh phí: 3,463 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-41)
42. Đã tổ chức 17 phiên giao dịch việc làm, chất lượng tư vấn, giới thiệu việc làm ngày càng nâng cao, kịp thời đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho người lao động trong và ngoài nước. Số lao động có việc làm tăng thêm hơn 10.000 người; trong đó số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 1.028 người *(thị trường Nhật Bản là 690 người, thị trường Hàn Quốc là 301 người, thị trường Đài Loan là 37 người).* [↑](#footnote-ref-42)
43. Hoàn thành hồ sơ bảo vật quốc gia và đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Bảo vật quốc gia năm 2023 (đợt 12) đối với 02 hiện vật: Khuôn in tín phiếu mệnh giá 01 đồng và 50 đồng (Công văn số 3824/UBND-KGVX ngày 10/8/2023); xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận di tích quốc gia đối với di tích Địa điểm xuất quân Liên quân tình nguyện Việt - Lào tại xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành (đã được Cục Di sản văn hóa đồng ý chủ trương xếp hạng di tích Quốc gia tại Công văn số 871/DSVH-DT ngày 17/8/2023). [↑](#footnote-ref-43)
44. Đền thờ Trương Định, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi. [↑](#footnote-ref-44)
45. Trong đó có 34 huy chương Vàng, 37 huy chương Bạc và 66 huy chương Đồng. [↑](#footnote-ref-45)
46. Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị. [↑](#footnote-ref-46)
47. Trong đó: DVC trực tuyến một phần là 512 thủ tục, DVC trực tuyến toàn trình là 461 thủ tục. [↑](#footnote-ref-47)
48. Trong đó: 85 thủ tục thuộc cấp tỉnh và 12 thủ tục thuộc cấp huyện. [↑](#footnote-ref-48)
49. Theo dõi, quản lý 36 nhiệm vụ KH&CN các cấp, gồm: 09 nhiệm vụ cấp nhà nước; 26 nhiệm vụ cấp tỉnh; 01 nhiệm vụ cấp cơ sở. Tổ chức nghiệm thu 10 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và 02 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ; 10 hội nghị chuyển giao kết quả sau nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN. Kiểm tra tiến độ các nhiệm vụ KH&CN năm 2023 đối với 10 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, 03 dự án KH&CN cấp Bộ theo Kế hoạch. Kiểm tra việc tổ chức ứng dụng sau nghiệm thu đối với 12 nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh… [↑](#footnote-ref-49)
50. Cụ thể: Công bố 63 văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2022 *(21 nghị quyết, 42 quyết định)*; 16 văn bản QPPL hết hiệu lực một phần trong năm 2022 *(12 nghị quyết và 04 quyết định).* [↑](#footnote-ref-50)
51. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 23.183 người; số lượng người làm việc đối với các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh là 69 người. [↑](#footnote-ref-51)
52. Tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH5 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. [↑](#footnote-ref-52)
53. Family Health International, HelpAge International, ReSurge International, World Vision International, VVOB, Children of Vietnam, Giving It Back to Kids, Asia Injury Prevention Foundation, Christoffel - Blindenmission/Christian Blind Mission e.V., Plan International, Save the Children International. [↑](#footnote-ref-53)
54. Gồm: 16 khoản viện trợ (10 chương trình, dự án và 06 phi dự án) của 10 tổ chức phi chính phủ và 02 cơ quan hợp tác quốc tế, doanh nghiệp nước ngoài, với giá trị cam kết tài trợ là 465.493 USD tương đương 10,678 tỷ đồng (không bao gồm 09 chương trình, dự án tiếp diễn và 03 dự án kéo dài của 08 tổ chức PCPNN với giá trị cam kết tài trợ là 521.886 USD tương đương khoản 12,090 tỷ đồng). [↑](#footnote-ref-54)
55. Vận dụng danh mục vị trí việc làm theo Quyết định số 2035/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ. [↑](#footnote-ref-55)
56. (1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền và hệ thống chính trị; (2) Cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; (3) Đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; (4) Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi. [↑](#footnote-ref-56)
57. (1) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp; (2) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; (3) Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực cho phát triển. [↑](#footnote-ref-57)
58. Theo Quyết định số 2563/QĐ-BSR ngày 04/4/2023 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn. [↑](#footnote-ref-58)
59. HLKT Đông - Tây: Quảng Ngãi - Măng Đen - Kon Tum - Bờ Y kết nối Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan. [↑](#footnote-ref-59)